

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày 22-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm;
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 N 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 02 N 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 N 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 N 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng PD.

Địa chỉ trụ sở chính: Số x, Đường D, phường N, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Lâm Văn N**, chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ - TT.XLN – Ngân hàng PD.

Địa chỉ: Số C, Đường Đ, Phường B, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (đại diện ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 71/2019/UQ-CNST ngày 26/11/2019).

(Có mặt).

2. Bị đơn:

- Anh **Phan Quốc C**; (vắng mặt).

- Chị **Phan Thị Kim H (T)**; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26-11-2019 của nguyên đơn Ngân hàng PD và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lâm Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09-5-2017, Ngân hàng PD (gọi tắt là Ngân hàng) với anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) có ký Hợp đồng tín dụng số 0311/2017/HĐTD-CN và Khế ước nhận nợ số 0311.01/2017-OCB/KU'NN-CN. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho anh C và chị H (T) vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích là mua xe ô tô hiệu THACO AUMAN C 160 9.3 tấn; thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 9,1250%/N (cơ sở tính 1 N là 365 ngày) trong 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất vay điều chỉnh kỳ 06 tháng/lần, theo công thức tính lãi: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 09/5/2017. Tài sản bảo đảm khoản vay trên là xe ô tô tải có mui theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007176 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Phan Quốc C ngày 03-5-2017, tài sản này được ký kết theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0311/2017/BĐ ngày 09-5-2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, khi thực hiện hợp đồng thì anh C và chị H (T) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Anh C và chị H (T) chỉ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 09-5-2017 đến hết ngày 07-8-2019 là 96.338.094 đồng và tiền gốc là 215.800.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhưng anh C và chị H (T) vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh C, chị H (T) trả tiền còn nợ tạm tính đến ngày 26/11/2019 tổng cộng là 294.874.577 đồng gồm nợ gốc, lãi và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/11/2019 cho đến khi anh C, chị H (T) hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh C và chị H (T) đã thanh toán cho Ngân hàng thêm một phần tiền nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và chị H (T) phải thanh toán khoản nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-9-2020) tổng cộng là 218.223.479, bao gồm:

- Tiền vốn 209.299.737 đồng (trong đó, gốc trong hạn 176.300.000 đồng và gốc quá hạn 32.999.737 đồng).
- Tiền lãi 8.923.742 đồng (gồm lãi trong hạn 7.687.084 đồng và lãi quá hạn 1.236.657 đồng).
- Tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc theo hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 23-9-2020) cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007176 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Phan Quốc C ngày 03-5-2017.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng – khách hàng cá nhân số 0311/2017/HĐTD-CN và Khế ước nhận nợ – khách hàng cá nhân số 0311.01/2017-OCB/KUNN-CN cùng ngày 09-5-2017, (bản photo có chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007176, biển số đăng ký: 83C-054.41, tên chủ xe: Phan Quốc C, nhãn hiệu FOTON, loại xe: Tải có mui, (bản photo có chứng thực); Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0311/2017/BĐ ngày 09-5-2017, (bản photo có chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, tài sản: Xe ô tô tải có mui hiệu FOTON, số khung: RNHA 1600AHC035910, biển số 83C-054.41, (bản photo có chứng thực).

Đối với bị đơn anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T):

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho các bị đơn biết, nhưng các bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ các bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho các bị đơn biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Các bị đơn cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, giao nộp thì việc khởi kiện của Ngân hàng đối với anh C và chị H (T) là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng, cho anh C và chị H (T) vay tiền với mục đích là mua xe ô tô hiệu THACO AUMAN C 160 9.3 tấn. Khi đến hạn trả nợ, anh C và chị H (T) không thực hiện đúng như thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử

xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng với bị đơn anh C và chị H (T) là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt. Việc anh C và chị H (T) vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C và chị H (T).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, về việc yêu cầu anh C và chị H (T) trả tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-9-2020) là 218.223.478 đồng, bao gồm:

- Tiền vốn trong hạn và quá hạn 209.299.737 đồng.
- Tiền lãi trong hạn và quá hạn 8.923.742 đồng.
- Yêu cầu tính tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 23-9-2020) cho đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử thấy theo Hợp đồng tín dụng – khách hàng nhận nợ số 0311/2017/HĐTD-CN và Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0311.01/2017-OCB/KU'NN-CN cùng ngày 09-5-2017 thì anh C và chị H (T) nhận tiền vay của Ngân hàng là 500.000.000 đồng, các bên thỏa thuận như sau:

- Lãi suất vay trong hạn là 9%/N trong 12 tháng đầu (tính 01 năm là 360 ngày) tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 01 năm là 365 ngày là 9,1250%/N), từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, theo công thức tính lãi: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, trong đó: Lãi suất cơ sở bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi 360 x 365; biên độ lãi suất là tối thiểu 4%/N : 360 x 365. Ngân hàng được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ về lãi suất. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

- Mục đích vay: Mua xe ô tô hiệu THACO AUMAN C160 9.3 tấn.
- Trả nợ gốc: 1 tháng/lần, định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng trả 8.300.000 đồng, tháng cuối trả 10.300.000 đồng.
- Trả nợ lãi: Định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng, theo dư nợ thực tế.
- Thời hạn vay: 60 tháng.

Khi đến hạn đóng lãi và trả vốn, anh C và chị H (T) không trả đúng hạn như đã thỏa thuận và đến nay khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn.

[3] Theo Án lệ số 08/2016/AL về giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”.

Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng N 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc anh C và chị H (T) phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-9-2020) tổng cộng là 218.223.478 đồng (bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng), gồm:

- Tiền vốn 209.299.737 đồng (trong đó, gốc trong hạn 176.300.000 đồng và gốc quá hạn 32.999.737 đồng).

- Tiền lãi 8.923.742 đồng (gồm lãi trong hạn 7.687.084 đồng và lãi quá hạn 1.236.657 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 23-9-2020), anh C và chị H (T) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng – khách hàng cá nhân số 0311/2017/HĐTD-CN và Khế ước nhận nợ – khách hàng cá nhân số 0311.01/2017-OCB/KU'NN-CN cùng ngày 09-5-2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng

cho vay thì lãi suất mà anh C và chị H (T) phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Trong đơn yêu cầu ngày 22-4-2020 cũng như tại phiên tòa, anh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có mui theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007176 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Phan Quốc C ngày 03-5-2017. Nay anh N rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên anh C và chị H (T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $218.223.478 \text{ đồng} \times 5\% = 10.911.173 \text{ đồng}$ (bằng chữ: Mười triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng), còn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng PD.

Buộc anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) trả nợ cho Ngân hàng PD, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-9-2020) tổng cộng là 218.223.478 đồng (bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng), bao gồm các khoản tiền sau đây:

- Vốn gốc trong hạn 176.300.000 đồng (bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

- Vốn gốc quá hạn 32.999.737 đồng (bằng chữ: Ba mươi hai triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng).

- Lãi trong hạn 7.687.084 đồng (bằng chữ: Bảy triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng).

- Lãi quá hạn 1.236.657 đồng (bằng chữ: Một triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-9-2020), anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng – khách hàng cá nhân số 0311/2017/HĐTD-CN và Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0311.01/2017-OCB/KUNN-CN cùng ngày 09-5-2017, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng – khách hàng cá nhân số 0311/2017/HĐTD-CN và Khế ước nhận nợ – khách hàng cá nhân số 0311.01/2017-OCB/KUNN-CN cùng ngày 09-5-2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng PD, thì lãi suất mà anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng PD.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng PD, về việc xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô có mui theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007176 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Sóc Trăng cấp cho anh Phan Quốc C ngày 03-5-2017 để bảo đảm khoản tiền vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Quốc C và chị Phan Thị Kim H (T) phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 10.911.173 đồng (bằng chữ: Mười triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng PD số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.372.000 đồng (bằng chữ: Bảy triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000428 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh